

XÂY DỰNG ĐỀ BÀI VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC

Vũ Trọng Đông

Trường Đại học Thủ Dầu Một
Email: dongvt@tdmu.edu.vn

Article history

Received: 16/8/2024

Accepted: 04/9/2024

Published: 20/10/2024

Keywords

Designing, tasks, creative writing, narrative writing

ABSTRACT

Designing a task is the first measure in a series to help students meet the requirements of creative narrative writing. The task plays a decisive role in deciding what and how students will write, and at the same time, serves as the basis for building and developing ideas in their writing. This article presents some different ways of creating tasks for each grade with different levels of creativity requirements on the same text, helping students develop writing skills at different times, in accordance with the requirements of contemporary teaching creative writing. The research results show that designing writing tasks plays an important role in promoting students' creativity in writing in general and in writing narrative essays in particular. Teachers can integrate and combine different types of tasks to meet specific teaching requirements or to suit each set of textbooks.

1. Mở đầu

Văn kể chuyện là một loại văn bản nghệ thuật mà trong đó, người viết trình bày vấn đề dưới dạng một câu chuyện. Câu chuyện này phải vừa có “chất truyện” và “chất văn”. Bài văn kể chuyện vừa phải mang tính hoàn chỉnh, tính thẩm mỹ, tính hình tượng lại phải mang phong cách riêng của cá nhân người kể. Chu Huy (2000) cho rằng văn kể chuyện là một loại văn mà HS phải được luyện tập diễn đạt bằng miệng hay viết thành bài theo những quy tắc nhất định (tr 12). Văn kể chuyện được chia làm 2 dạng chính: kể những câu chuyện tưởng tượng, hư cấu theo kiểu sáng tác và kể những câu chuyện đã nghe, đã đọc, đã học và những chuyện được chứng kiến, tham gia. Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 quy định văn kể chuyện được đưa vào dạy từ lớp 2 đến lớp 5 với yêu cầu cần đạt là: “Viết được văn bản kể lại những câu chuyện đã đọc, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện do HS tưởng tượng”, “bước đầu biết viết theo quy trình; bài viết cần có đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài)” (Bộ GD-ĐT, 2018). Khác với việc dạy viết bài văn miêu tả, việc sử dụng từ ngữ, ý tưởng sáng tạo để dàng được thực hiện qua việc lựa chọn đối tượng, lựa chọn cách quan sát, thời điểm quan sát, từ ngữ gợi tả hình ảnh, âm thanh, các biện pháp tu từ... Bài văn kể chuyện thường bị giới hạn sự sáng tạo bởi đề bài khiến cho bài viết của HS thường tái hiện lại câu chuyện một cách đơn điệu.

Do đó, bài báo này đề xuất một số cách xây dựng đề bài khác nhau trên cùng một ngữ liệu cho bài văn kể chuyện ở cấp tiểu học, điều này vừa có thể đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm về ngữ liệu, nguyên tắc đồng tâm trong dạy học, vừa kích thích ý tưởng sáng tạo, đồng thời giúp đánh giá sự sáng tạo trong bài viết của HS ở các mức độ khác nhau.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Viết sáng tạo và nguyên tắc xây dựng đề bài trong viết văn kể chuyện sáng tạo

2.1.1. Khái niệm “viết sáng tạo”

Bản chất của việc viết, ở phương diện tạo lập văn bản, là một hoạt động sáng tạo. Tính sáng tạo của hoạt động này gắn liền với cái nhìn, suy nghĩ, tiếng nói, quan điểm, sự hình dung tưởng tượng, cảm xúc thực sự... của mỗi cá nhân. Theo Oral, gắn liền trực tiếp với sự sáng tạo, viết sáng tạo có nghĩa là một người viết những ý tưởng và cảm xúc của bản thân về một chủ đề cụ thể bằng cách sử dụng trí tưởng tượng của mình một cách tự do (dẫn theo Temizkan, 2011). Theo Küçük, viết sáng tạo bao hàm việc vượt lên những điều thông thường mà vẫn giữ được các giá trị cốt lõi, tạo ra những ý tưởng độc đáo, khác biệt so với mọi người nhờ vào trí tưởng tượng, đạt được tính độc đáo và viết một cách mạch lạc trong khi tận hưởng quá trình sáng tác (dẫn theo Temizkan, 2011). Do đó, viết sáng tạo được đặc trưng bởi tính độc đáo và trí tưởng tượng (Brookes & Marshall, 2004).

Tại Việt Nam, viết sáng tạo là một vấn đề tương đối mới. Theo Quynh (2023), khi đề cập đến viết sáng tạo là đề cập tới kỹ năng viết ở bậc cao. Viết sáng tạo không giống như các kiểu viết thông thường (viết thông thường là viết theo dạng thức, khuôn mẫu có sẵn với mục đích cung cấp thông tin). Trần Thị Hiền Lương và Nguyễn Khánh Hà

(2010) cho rằng sự phát triển dần kỹ năng viết của người học thể hiện từ chỗ người học phải phụ thuộc vào sự hướng dẫn, phân tích, gợi ý của thầy đến chỗ độc lập, sáng tạo hoàn toàn khi viết - đó là viết sáng tạo. Từ các quan điểm về viết sáng tạo đã nêu, chúng tôi xác định: *Viết sáng tạo là quá trình HS viết ra câu văn, đoạn văn, bài văn có ý tưởng mới mẻ; cách sử dụng từ ngữ, cú pháp, biện pháp diễn đạt độc đáo; đáp ứng các yêu cầu của đề bài mà không sao chép, trùng lặp với các bài viết mà người khác đã viết ra trước đó.*

2.1.2. Những yêu cầu có tính nguyên tắc khi xây dựng đề bài viết văn kể chuyện sáng tạo

Đề bài văn đóng vai trò quyết định, định hướng cho người học trả lời các câu hỏi: Viết để làm gì? Viết gì? Viết cho ai? Viết thế nào? Viết với thái độ ra sao? Theo Trịnh Thị Hương (2022), “trong dạy học, câu hỏi là phương tiện dạy học chủ yếu để GV hướng dẫn HS lĩnh hội nội dung bài học, giúp HS chủ động tham gia vào bài giảng, khám phá tri thức, phát triển tư duy” (tr 2). Vì vậy, một đề bài tốt cần phải đảm bảo các nguyên tắc: Bám sát mục tiêu, chương trình; Đề cao sự sáng tạo, tích cực của HS; Tính đến đặc điểm của HS tiểu học. Nói cách khác, một đề bài được xem là tạo ra cơ hội viết sáng tạo và phù hợp với HS khi nó không quá khó (phù hợp với yêu cầu của chương trình, HS có thể vận dụng vốn sống, vốn hiểu biết của mình khi thực hiện yêu cầu) và kích thích được hứng thú viết bài của các em (tác động được vào tâm tư, tình cảm, mong muốn bộc lộ, thể hiện khả năng, cảm xúc của mình thông qua bài viết). Tuy nhiên, phần lớn các đề bài trong dạy viết bài văn kể chuyện thường khá đơn điệu và gò bó. Đề bài thường được trình bày theo cấu trúc: “Em hãy kể lại câu chuyện + Tên câu chuyện”.

2.2. Đề xuất một số cách ra đề và hướng dẫn học sinh viết văn kể chuyện sáng tạo

2.2.1. Xây dựng đề bài cho sẵn một phần của bài viết, yêu cầu học sinh sắp xếp và viết thêm

Việc cho sẵn một phần của bài viết (có thể là một phần của câu, của đoạn) và yêu cầu HS viết thêm để hoàn chỉnh là cách làm phù hợp với định hướng của những người xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. Cụ thể, ở yêu cầu cần đạt về thực hành viết đối với lớp 1, chương trình quy định: “Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật...” (Bộ GD-ĐT, 2018). Các đề bài xây dựng trong biện pháp này chính là việc cho sẵn một phần của câu văn (đối với lớp 1, lớp 2), mức độ phân cho sẵn này sẽ giảm dần với các yêu cầu cụ thể về từ ngữ cần có trong câu văn tăng lên. Lúc đầu có thể cho sẵn các từ ngữ, HS chỉ việc chọn từ phù hợp để hoàn thành yêu cầu của đề bài. Sau đó, chỉ cho các câu văn chưa hoàn chỉnh, yêu cầu HS tự lựa chọn từ ngữ trong vốn từ đã có của mình để hoàn thành yêu cầu.

Ví dụ, sau khi HS nghe kể câu chuyện “Đẹp mà không đẹp” với nội dung gồm 4 câu như sau: “Bạn nam đang vẽ một con ngựa lên bức tường của nhà trường. Bạn nam nói với bạn nữ: “Minh vẽ có đẹp không?” Bạn nữ ngắm bức tranh rồi nói: “Bạn vẽ đẹp lắm, nhưng vẽ lên tường làm xấu cả trường, lớp!”. Hai bạn lấy xô, chổi sơn lại bức tường cho sạch”. Với lớp 1, GV có thể tách câu chuyện thành các câu riêng biệt, yêu cầu HS bổ sung những từ ngữ còn thiếu để hoàn thành các câu. Chẳng hạn như sau:

Với câu “Bạn nam đang vẽ một con ngựa lên bức tường của nhà trường.” GV có thể yêu cầu HS thêm từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu/các câu văn sau: - đang vẽ một con ngựa lên bức tường của nhà trường./ - Bạn nam đang một con ngựa lên bức tường của nhà trường./ - Bạn nam đang vẽ một con ngựa lên của nhà trường./ - Bạn nam đang vẽ một con ngựa lên bức tường của

Với câu “Bạn nam nói với bạn nữ: “Minh vẽ có đẹp không?” GV có thể yêu cầu HS thêm từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu/các câu văn sau: - Bạn nam với bạn nữ: “Minh vẽ có đẹp không?”/Bạn nam nói với “Minh vẽ có đẹp không?”/ Bạn nam nói với bạn nữ: “.....?”

Để giúp HS lớp 1 hoàn thành các bài tập điền từ này, GV có thể cung cấp sẵn một số từ cho các em chọn, hoặc để các em tự lựa chọn từ ngữ trong vốn từ hoặc khả năng tái hiện từ ngữ đã nghe của các em. Tiến hành tương tự với các câu còn lại, chúng ta có thể giúp HS hoàn thành yêu cầu cần đạt về thực hành viết cho HS lớp 1. Tuy nhiên, để tăng tính sáng tạo trong sản phẩm viết (câu văn) của các em, đề bài cần yêu cầu HS bổ sung những từ ngữ có giá trị miêu tả vào từng câu văn. Ví dụ với câu “Bạn nam đang vẽ lên bức tường của nhà trường”, ta cũng tạo ra những khoảng trống yêu cầu HS bổ sung từ ngữ như sau:

(1) - Bạn nam đang vẽ một con ngựa lên bức tường của nhà trường.

Trường hợp này HS có thể dựa trên việc quan sát tranh hoặc nghe cô giáo kể để thêm vào tên sản phẩm hoặc mô tả sản phẩm của chủ thể hoạt động. Cụ thể HS có thể viết các câu như: “Bạn nam đang vẽ một con ngựa rất đẹp lên bức tường của nhà trường” hay “Bạn nam đang vẽ một con ngựa đang phi lên bức tường của nhà trường”.

(2) - Bạn nam đang vẽ một con ngựa lên bức tường của nhà trường.

Trường hợp này HS có thể dựa trên việc quan sát tranh để miêu tả đối tượng chịu tác động của chủ thể. Cụ thể, HS có thể viết các câu như: “Bạn nam đang vẽ một con ngựa lên bức tường màu vàng của nhà trường”, “Bạn nam

đang vẽ một con ngựa lên bức tường mới sơn của nhà trường” hay “Bạn nam đang vẽ một con ngựa lên bức tường ngay trước cổng của nhà trường”,...

Kết hợp cả 2 cách này, HS có thể viết được những câu giàu hình ảnh, thay thế cho câu đầu tiên của câu chuyện. Ví dụ: “Bạn nam đang vẽ một con ngựa rất đẹp lên bức tường mới sơn của nhà trường” hoặc “Bạn nam đang vẽ một con ngựa đang phi trong gió lên bức tường mới sơn màu vàng của nhà trường”,...

Với lớp 2, yêu cầu này có thể nâng cao hơn bằng cách thay vì điền 1 từ, HS sẽ điền một số từ (hoặc một ý phù hợp) để hoàn thành câu văn đã cho. Ví dụ với câu 2: Bạn nam nói với bạn nữ: “Minh vẽ có đẹp không?” GV có thể yêu cầu HS thêm từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu/các câu văn sau:

- (1) - Bạn nam với bạn nữ: “Minh vẽ có đẹp không?”
- (2) - Bạn nam nói với bạn nữ: “.....”
- (3) -, bạn nam nói hào hứng khoe: “.....”

Trường hợp (1), để lựa chọn từ ngữ thích hợp đặt vào chỗ trống thay cho từ “nói”, GV có thể đặt câu hỏi khai thác tâm lí của bạn nam, ví dụ: - Bạn nam nói với bạn nữ về hình vẽ của mình nhằm mục đích gì? (khoe)/ - Bạn nam cảm thấy thế nào khi “khoe” hình vẽ của mình với bạn nữ? (tự hào, hào hứng, vui vẻ...) từ đó HS có thể viết được các câu như: “Bạn nam tự hào khoe với bạn nữ: “Minh vẽ có đẹp không?” hay “Bạn nam hào hứng hỏi bạn nữ: “Minh vẽ có đẹp không?”...

Trường hợp (2), để lựa chọn từ ngữ thích hợp đặt vào chỗ trống, thay cho câu hỏi “Minh vẽ có đẹp không?” GV có thể đặt câu hỏi khai thác sản phẩm (hình ảnh mà bạn nam vẽ ra), ví dụ: - Bạn nam muốn khoe mình vẽ thứ gì đẹp? (con ngựa/con chiến mã). Cũng có thể đặt câu hỏi: - Bạn nam muốn khoe hình vẽ của mình với ai? (bạn nữ) ... từ đó HS có thể viết được các câu như: “Bạn nam nói với bạn nữ: “Minh vẽ con ngựa có đẹp không?” hay “Bạn nam nói với bạn nữ: “Bạn thấy con chiến mã mình vẽ có đẹp không?”...

Trường hợp (3), để lựa chọn từ ngữ thích hợp đặt vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu: -, bạn nam nói hào hứng khoe: “.....”. GV có thể đặt các câu hỏi khai thác tình huống, thời điểm bạn nam hỏi, ví dụ: - Bạn nam hỏi bạn nữ lúc nào? (khi thấy bạn nữ đi qua, khi thấy bạn nữ đứng gần đó); - Bạn nam làm gì để khiến bạn nữ chú ý tới hình vẽ của mình? (gọi bạn nữ lại chỉ, nín tay bạn nữ lại; - Bạn nam khoe với thái độ gì? Lời khoe thế nào?... Từ đó, HS có thể viết được các câu như: “- Thấy bạn nữ đi qua, bạn nam hào hứng nín lại khoe: “- Bạn đã thấy con ngựa nào đẹp như con ngựa tớ vẽ ở đây chưa?” hay “- Thấy bạn nữ đứng gần đó, bạn nam gọi lại chỉ vào hình con ngựa rồi hỏi: “- Bạn thấy con chiến mã của mình có oai phong không?”... Như vậy, với việc hướng dẫn HS bổ sung phần còn thiếu trong câu ở các trường hợp vừa nêu ở trên, mức độ sáng tạo trong câu văn của HS viết được tăng lên đáng kể.

Ở lớp 3, khi mà yêu cầu cần đạt hướng HS đến việc viết đoạn văn, chúng ta có thể bắt đầu bằng việc cho sẵn các câu của một đoạn văn, yêu cầu HS sắp xếp các câu thành đoạn; Nâng cao hơn là cho sẵn một số câu, yêu cầu sắp xếp thành đoạn và viết thêm câu mở, hoặc kết đoạn cho câu chuyện. Hoặc có thể, để thiếu một câu nói về tình tiết quan trọng trong câu chuyện (nút thắt hoặc cách mở nút của nhân vật), yêu cầu HS bổ sung để hoàn chỉnh đoạn văn kể chuyện. Ví dụ, sắp xếp các câu dưới đây theo thứ tự để thành câu chuyện:

(...) - Thấy bạn nữ đi qua, bạn nam hào hứng nín lại khoe: “- Bạn đã thấy con ngựa nào đẹp như con ngựa tớ vẽ ở đây chưa?”

(...) - Bạn nam đang vẽ một con ngựa rất đẹp lên bức tường mới của nhà trường.

(...) - Cùng với sự giúp đỡ của bạn nữ, hai bạn đã sơn lại bức tường như lúc đầu.

(...) - Bạn nữ ngắm nghía một chút rồi nói: - Con ngựa đẹp quá, nhưng bạn vẽ ở đây làm bức tường mới sơn bị bẩn mất rồi.

Ở lớp 4, lớp 5, việc cung cấp một phần của bài viết có thể chỉ là tên truyện, tên nhân vật, đặc điểm của nhân vật chính; bài học hoặc nội dung của câu chuyện, từ đó yêu cầu HS viết bài văn. GV cung cấp câu chuyện, bỏ ngoặc cách giải quyết vấn đề (gỡ nút thắt) với những câu chuyện mà HS chưa từng tiếp xúc, hoặc đã tiếp xúc nhưng có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau, yêu cầu HS đưa ra cách giải quyết của mình. Ví dụ: (1) Hà là một cô bé ngoan ngoãn, biết bảo vệ của công. Sáng nay, khi nhìn thấy Minh vẽ trên bức tường của nhà trường, Hà đã giải thích và yêu cầu Minh sơn lại bức tường. Em hãy kể lại câu chuyện đó; (2) Thắng là một cậu bé thích vẽ, cậu vẽ ở tất cả những nơi mà mình thích mà không quan tâm đến sự khó chịu của mọi người. Nhưng sáng hôm nay, khi vẽ trên bức tường trước cổng trường, Thắng đã được Na chỉ cho một bài học đáng giá. Em hãy kể lại câu chuyện của Thắng; (3) Một bạn nam thể hiện tài họa sĩ của mình bằng cách vẽ một con ngựa lên bức tường trước cổng trường. Nhưng rồi được bạn nữ góp ý, bạn đã nhận ra lỗi sai của mình. Em hãy kể lại câu chuyện đó; (4) Nếu em là bạn nam trong câu chuyện

“Đẹp mà không đẹp”, em sẽ làm gì khi bị bạn nữ góp ý là làm bẩn bức tường? Em hãy kể lại toàn bộ câu chuyện để mọi người cùng biết cách xử lý của bạn nam...

2.2.2. Xây dựng đề bài kết hợp với tranh để học sinh “sáng tác lại” câu chuyện

Đặc điểm tâm lý ở lứa tuổi tiểu học là sự phát triển mạnh mẽ về tư duy trừu tượng, giàu trí tưởng tượng nhưng trí nhớ chưa bền vững và diễn đạt bằng ngôn ngữ viết còn hạn chế. Vì thế, việc sử dụng các đề bài viết gắn liền với tranh là cách để khắc phục các điểm hạn chế này. Ví dụ, với bức tranh dưới đây, dựa vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp, GV có thể cân nhắc việc ra đề theo hướng thuật lại nội dung câu chuyện đã nghe, đã đọc hoặc kể câu chuyện theo trí tưởng tượng của các em.

Với lớp 1, đề bài sẽ là: Quan sát bức tranh bên (hình 1) và viết câu trả lời cho câu hỏi ở từng tranh. Tính sáng tạo trong bài viết của HS sẽ được tính đến khi HS biết sử dụng từ ngữ trong câu văn làm cho câu văn giàu hình ảnh, sinh động hơn. Với các câu hỏi như vậy, câu trả lời là:

Tranh 1: - Bạn nam đang vẽ trên một bức tường màu vàng rất mới (mô tả được màu sắc bức tường trong câu trả lời)/Bạn nam đang vẽ trên bức tường trước cổng trường (mô tả được địa điểm bức tường trong câu trả lời)/Bạn nam đang vẽ một con ngựa rất đẹp trên bức tường của nhà trường (mô tả được hình vẽ của bạn nam và địa điểm của bức vẽ)...

Tranh 2: - Bạn thấy mình vẽ có đẹp không? (thêm đối tượng hỏi)/Bạn thấy con ngựa mình vẽ có đẹp không?/Bạn thấy con ngựa đó vẽ thế nào? (thêm nội dung hỏi)/Bạn thấy con ngựa nào đẹp như con ngựa mình vẽ chưa?/Bạn đã từng thấy ai vẽ đẹp như đó chưa? (thêm cảm xúc của người hỏi)...

Tranh 3: - Bạn đừng vẽ trên các bức tường nhé, làm thế sẽ khiến trường lớp xấu đi (đưa ra lời khuyên)/Bạn vẽ đẹp lắm, nhưng vẽ lên tường làm xấu trường lớp/Con ngựa tuyệt quá, nhưng bạn vẽ lên tường làm bức tường xấu đi/Bạn vẽ như họa sĩ ấy nhưng vẽ ở đây thì không đúng chỗ rồi (thêm nhận xét trước khi đưa ra ý kiến)...

Tranh 4: - Hai bạn đang xóa hình vẽ để trả lại vẻ đẹp của bức tường/Hai bạn cùng nhau sơn lại bức tường để xóa đi con ngựa đã vẽ (thêm kết quả việc làm)/Hai bạn đang vui vẻ sơn lại bức tường/Bạn nữ đang vui vẻ giúp bạn nam sơn lại bức tường (thêm cảm xúc của đối tượng)...

Mức độ sáng tạo của HS sẽ cao hơn, nếu cũng bức tranh này, GV bỏ các câu hỏi trong tranh và yêu cầu HS sáng tác (hoặc sáng tác lại) câu chuyện. Cụ thể, đề bài có thể là: Đặt tên cho 2 bạn nhỏ trong tranh và viết nội dung mỗi bức tranh bằng 1-2 câu. Đề bài này phù hợp với yêu cầu cần đạt về thực hành viết ở lớp 2 đó là “viết được 4-5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý” (Bộ GD-ĐT, 2018).

Để phát triển sự sáng tạo trong các câu mà HS viết, GV nên đưa ra các yêu cầu cụ thể trong việc điều chỉnh câu đã viết. Ví dụ, với câu đầu tiên “Bạn nam đang vẽ trên tường”, GV có thể yêu cầu HS đặt tên cho nhân vật bạn nam, chỉ ra bạn ấy đang vẽ gì? Hình mà bạn ấy vẽ thế nào? Bức tường bạn ấy vẽ thế nào? Ở đâu? và viết lại.

Ví dụ: “- Hải/đang vẽ/một con ngựa rất đẹp/trên bức tường màu vàng ở cổng trường” hoặc “- Nam/đang hí hoáy vẽ/một con chiến mã tung bồm trong gió/trên bức tường mới sơn ở cổng trường”... Áp dụng cách làm tương tự với câu thứ 2, sản phẩm viết lại có thể như sau: - Thấy Hải đi qua/Thắng gọi Hải lại và hỏi/đây vẽ tự hào/Tớ vẽ có đẹp không? hoặc: - Nam/núi tay hương lại, hỏi/ “Hương thấy ai vẽ con ngựa đẹp như tớ chưa? ... Từ cách làm này, chúng tôi có các sản phẩm bài viết tốt hơn, ví dụ:

- Nam đang hí hoáy vẽ một con chiến mã tung bồm trong gió trên bức tường mới sơn ở cổng trường.
- Khi thấy Hương đi qua, Nam/núi tay Hương lại, hỏi: Hương thấy ai vẽ con ngựa đẹp như tớ chưa?
- Hương ngấm nghĩa một chút rồi nói: - Con ngựa đẹp quá nhưng Nam vẽ ở đây làm bức tường mới sơn bị bẩn mất rồi.



- Nam hiểu ra, nhìn thấy xô sơn còn để ở góc tường, Nam quyết định xóa bức vẽ, trả lại vẻ đẹp cho bức tường mới. Hương cũng vui vẻ giúp Nam hoàn thành trước lúc trống trường báo giờ vào lớp.

Theo Bộ GD-ĐT (2018), yêu cầu cần đạt của lớp 3 là viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia. Do đó, độ khó đã tăng lên đáng kể. Để đáp ứng yêu cầu, HS không thể dừng lại ở các câu riêng lẻ mà phải có sự liên kết các câu thành đoạn.

Ở mức này, HS đã được học về cấu tạo của đoạn văn, đã biết về câu mở đoạn, câu kết đoạn, vì thế khi sử dụng bức tranh này trong ra đề, đề bài chúng tôi đề xuất là: Quan sát bức tranh, đặt tên cho các nhân vật trong tranh và viết đoạn văn kể lại câu chuyện đã xảy ra. Đa số HS lại hiểu rằng: *việc viết đoạn văn chỉ là ghép các câu rời rạc đã viết, bỏ đi các dấu gạch đầu dòng*. Vì vậy, sản phẩm mà các em tạo ra trong nhiều trường hợp chưa có sự liên kết cả về nội dung và hình thức giữa các câu trong đoạn. Ví dụ: “- Bạn nam đang vẽ trên tường. Bạn nam nói: - Mình vẽ có đẹp không? Bạn nữ nhận xét: - Vẽ lên tường làm xấu tường lớp. Hai bạn đang xóa hình con ngựa trên tường.”

Theo Bộ GD-ĐT (2018), yêu cầu cần đạt của lớp 4 là “viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe hoặc viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe” và lớp 5 là “viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo”, độ khó của yêu cầu được nâng lên mức nữa. Tức là, HS phải viết được bài văn đầy đủ ba phần với mở bài, thân bài, kết bài, lại phải thêm đoạn văn tưởng tượng vào câu chuyện hoặc thêm các chi tiết sáng tạo. Để đảm bảo các yêu cầu này, khi sử dụng bức tranh trên đề ra đề, cần lồng ghép yêu cầu sáng tạo vào trong đề bài. Cụ thể, có thể yêu cầu HS: Quan sát tranh và kể lại câu chuyện theo trí tưởng tượng của mình; Đề bài này hướng đến việc yêu cầu HS “sáng tác lại” câu chuyện theo chính cách hiểu, cách diễn đạt của các em. Các em không còn quá phụ thuộc vào câu chuyện đã được nghe, được đọc, mà từ cốt truyện đó, các em kể một câu chuyện có tên nhân vật, có tình huống, có nút thắt, có cách giải quyết nút thắt theo chính cách suy nghĩ của các em.

Khi sử dụng biện pháp này, đề ra đề kể câu chuyện khác, GV cần chú ý lựa chọn tranh phù hợp với nội dung, diễn biến câu chuyện. Số lượng tranh tùy thuộc vào mỗi lớp. Ví dụ, ở lớp từ 1 đến 3, mỗi một đề bài nên có khoảng 4 tranh. Nếu quá ít, HS sẽ khó có thể tưởng tượng được toàn bộ tình tiết của câu chuyện. Nhưng lên lớp 4, lớp 5, có thể chỉ cần 1 tranh, dựa vào hình ảnh trong tranh để kể lại câu chuyện. Có thể chia các đề bài thành 2 dạng yêu cầu: (1) Kể lại câu chuyện, thông qua việc sử dụng tranh để tái hiện lại các tình tiết của câu chuyện mà HS đã nghe, đã đọc trước đó và (2) HS “sáng tác lại” câu chuyện bằng cách kể câu chuyện theo trí tưởng tượng của mình dựa trên “điểm tựa” là các bức tranh được cung cấp trong đề bài. Cả 2 dạng đó, bài viết có thể đánh giá tính sáng tạo theo các mức khác nhau.

2.2.3. Xây dựng các đề bài yêu cầu học sinh thay đổi vai kể

Thực tế, các đề bài văn kể chuyện hiện nay đều khá đơn điệu, thường đặt HS vào vai trò của một người dẫn truyện. Điều này hạn chế rất nhiều đến khả năng sáng tạo của các em. Nếu các cách ra đề “cho sẵn một phần của bài viết, yêu cầu HS sắp xếp và viết thêm” và “Xây dựng đề bài kết hợp với tranh” phù hợp với đặc điểm tâm lí và khả năng ngôn ngữ của các lớp 1, 2, 3 thì với lớp 4, 5 khi yêu cầu cần đạt của chương trình đòi hỏi cao hơn, vốn từ, khả năng ngôn ngữ và tư duy của các em phát triển tốt hơn, chúng tôi đề xuất thay đổi vai kể trong yêu cầu của đề bài. Ví dụ, thay vì “Em hãy kể lại câu chuyện “Đẹp mà không đẹp”, GV có thể đặt HS vào một vai kể cụ thể, cho HS hóa thân vào nhân vật để các em có thể bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của mình. Ví dụ: Em hãy vào vai bạn nam/bạn nữ/ bức tường/một cái cây chứng kiến toàn bộ sự việc trong câu chuyện “Đẹp mà không đẹp”. Kể lại câu chuyện đó.

Sử dụng biện pháp này, GV cần lưu ý HS, khi mình hóa thân vào một nhân vật trong câu chuyện, hãy tưởng tượng đến cảm xúc của nhân vật đó để lựa chọn cách kể cho phù hợp. Chẳng hạn, nếu yêu cầu HS kể lại câu chuyện dưới vai bạn nam, đầu tiên phải thể hiện được cảm giác tự hào khi hoàn thành bức vẽ, cảm giác tự tin khi gọi bạn nữ xem và yêu cầu nhận xét về tác phẩm của mình; cảm giác tò mò khi bạn nữ nói “Đẹp mà không đẹp” hay cảm giác xấu hổ khi nghe bạn nữ giải thích vì sao không đẹp; cảm giác hối lỗi khi sơn lại bức tường... Bên cạnh đó, khi vào vai một nhân vật trong câu chuyện, cần chú ý đến việc thay đổi ngôi xưng hô cho phù hợp. Chẳng hạn, khi vào vai cái cây đứng cạnh bức tường và chứng kiến toàn bộ sự việc, người kể xưng “tôi”, gọi bức tường là “anh”, gọi 2 nhân vật nam, nữ trong câu chuyện là “cô bé”, “cậu bé”...

2.2.4. Xây dựng đề bài giới hạn rõ yêu cầu sáng tạo của người viết

Một bài văn sáng tạo có thể thể hiện ở nhiều điểm khác nhau: sáng tạo trong cách mở bài, giới thiệu câu chuyện; sáng tạo trong việc viết thân bài với việc thêm thắt những tình tiết mới, cách kết thúc câu chuyện mới; sáng tạo trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc với nhân vật trong chuyện, với việc tiếp nhận bài học giáo dục từ câu chuyện một cách khác nhau... Để thực hiện được mục tiêu dạy viết bài văn sáng tạo, trước tiên người GV phải xác định được mức độ yêu cầu sáng tạo mà HS cần đạt đến. Mức độ sáng tạo đó cần thể hiện rõ nét trong đề bài để tạo điều kiện cho HS dễ dàng thực hiện. Cụ thể, tùy vào yêu cầu sáng tạo của từng bài viết mà GV ra đề bài khác nhau. Ví dụ:

(1) Em hãy viết bài văn kể lại câu chuyện “Đẹp mà không đẹp”, chú ý thêm phần giới thiệu câu chuyện để mọi người biết câu chuyện xảy ra ở đâu, có những nhân vật nào và mỗi nhân vật đó có tính cách thế nào;

(2) Em hãy viết bài văn kể lại câu chuyện “Đẹp mà không đẹp”, trong đó thêm những tình tiết, sự việc mới vào nội dung câu chuyện để câu chuyện hấp dẫn hơn;

(3) Em hãy viết bài văn kể lại câu chuyện “Đẹp mà không đẹp”, thay đổi kết thúc của câu chuyện một cách hợp lí nhất theo ý của em.

Với cách ra đề này, trường hợp (1), HS chỉ cần tập trung vào phần mở bài, giới thiệu câu chuyện. Nếu HS đặt tên được cho các nhân vật trong câu chuyện, mô tả được sơ lược đặc điểm nhân vật, giới thiệu về thời gian, địa điểm xảy ra câu chuyện thì đã đảm bảo các yêu cầu sáng tạo mà đề bài đề ra. Ví dụ: “Hải là một cậu bạn có năng khiếu vẽ, ai cũng khen Hải vẽ đẹp, đặc biệt là vẽ ngựa. Hải thích vẽ lắm, mỗi khi thấy chỗ nào ưng ý là Hải lập tức lôi màu ra để vẽ, bất kể đó là đâu: Bảng lớp, cửa lớp, mặt bàn... Nga là bạn cùng lớp với Hải, là một cô bé nghiêm túc nên nhiều lần Nga khó chịu khi thấy Hải vẽ bậy trên bàn ghế lớp học. Sáng hôm nay, ngay ở cửa trường, một cuộc đụng độ đã xảy ra...”

Trường hợp (2), HS chỉ cần tập trung vào việc bổ sung các chi tiết trong nội dung chính của câu chuyện để câu chuyện trở nên sinh động và hấp dẫn hơn. Chi tiết bổ sung có thể là suy nghĩ, cách thể hiện hành động của nhân vật chính; cách tiếp nhận và xử lý góp ý của bạn bè... Việc sáng tạo ở đây chỉ dừng lại ở việc kể nội dung câu chuyện (hay phần thân bài). Ví dụ: “Vừa đến trường, nhìn thấy bức tường màu vàng còn thơm mùi sơn mới, một ý nghĩ lóe lên trong đầu Hải: “Ngay chỗ này mà vẽ một con ngựa thì thật tuyệt vời. Nghĩ là làm, Hải mở cặp lôi ra mẫu than chì và bắt đầu hí hoáy vẽ...”

Trường hợp (3), HS chỉ cần tập trung vào thay đổi phần kết thúc câu chuyện, có thể đưa ra kết thúc khác theo mong muốn của các em hoặc bổ sung và thay đổi đề nội dung kết thúc không thay đổi nhưng cách viết sinh động hơn. Ví dụ: “Sau khi nghe Nga nói, nhìn lại bức tường mới sơn đã bị lem nhem vì hình vẽ của mình, Hải nhận ra mình đã vẽ bức tranh không đúng chỗ. Chưa biết phải làm thế nào, Hải nhìn Nga cầu cứu. Nga nhìn quanh, thấy ở góc tường phía xa, có cây chổi và xô sơn, chắc bác bảo vệ hôm qua sơn xong còn để lại. Với sự trợ giúp của Nga, Hải cũng kịp xóa đi bức vẽ và trả lại bức tường màu vàng như mới trước khi tiếng trống vào lớp vang lên. Hai bạn nhìn nhau cùng cười”.

3. Kết luận

Xây dựng đề bài văn có vai trò quan trọng trong việc phát huy tính sáng tạo của HS trong viết văn nói chung và viết văn kể chuyện nói riêng. Phân biệt các cách ra đề và hướng dẫn HS như trên là cách để chúng tôi hướng đến các yêu cầu cần đạt cụ thể trong bài viết của HS ở từng mức độ, từng lớp khác nhau. Đó là HS sáng tạo cái gì, sáng tạo ở đâu trong bài văn kể chuyện. Trong thực tế dạy học, GV có thể phối hợp, kết hợp các kiểu ra đề để đáp ứng được yêu cầu cần đạt. Ngữ liệu (câu chuyện) chúng tôi sử dụng ra đề trong bài báo chỉ là một ví dụ, từ ví dụ này GV có thể vận dụng tương tự với các câu chuyện khác trong thực tế triển khai dạy học cho phù hợp với từng bộ sách giáo khoa hoặc yêu cầu dạy học cụ thể.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Brookes, I., & Marshall, M. (2004). *Good writing guide*. Harap Publishers.
- Chu Huy (2000). *Dạy kể chuyện ở trường tiểu học*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Trần Mạnh Hưởng, Lê Phương Nga, Trần Hoàng Túy (2014). *Tiếng Việt 2* (tập 1). NXB Giáo dục Việt Nam.
- Quynh, D. T. (2023). Teaching creative writing in English by using picture poems. *VNU Journal of Foreign Studies*, 39(1), 141-153. <https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.4846>
- Temizkan, M. (2011). The Effect of Creative Writing Activities on the Story Writing Skill. *Educational Sciences: Theory and Practice*, 11(2), 933-939.
- Trần Thị Hiền Lương, Nguyễn Khánh Hà (2010). *Một số định hướng về việc dạy kỹ năng viết sáng tạo cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt*. Đề tài khoa học cấp Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, mã số: V2010-02.
- Trịnh Thị Hương (2022). Dạy kỹ năng đặt câu hỏi trong dạy đọc cho học sinh tiểu học theo mô hình “chuyên giao kỹ năng”. *Tạp chí Giáo dục*, 22(24), 1-7.